

QUYẾT ĐỊNH

Giải quyết chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã từ trần theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 giữa Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong hoàn thành nghĩa vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 52/SNV-XDCQ&CTTN ngày 13 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với **144** trường hợp là thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương nay đã từ trần (có danh sách kèm theo).

Tổng số tiền trợ cấp là **512.900.000** đồng (năm trăm, mười hai triệu, chín trăm nghìn đồng).

Điều 2. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách các trường hợp được hưởng trợ cấp một lần đề nghị Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội bổ sung dự toán chi trả trợ cấp theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ; Lao động-Thương binh và Xã hội; Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị, địa phương liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Bộ LĐ-TBXH (B/c);
- Bộ Tài chính(B/c);
- Đ/c PCT UBND tỉnh phụ trách VX;
- Như điều 3;
- Tỉnh đoàn; Hội Cựu TNXP tỉnh; BCH Quân sự tỉnh;
- UBND các huyện: Đăk Hà, Đăk Glei, Kon Rẫy, Kon Plông;
- Đ/c PVP phụ trách VX;
- Lưu: VT, VX6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Nga

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

DANH SÁCH
THÂN NHÂN CỦA THANH NIÊN XUNG PHONG ĐẮT TỪ TRẦN
ĐỀ NGHỊ XÉT HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN (không có giấy tờ gốc)
(Kèm theo Quyết định số 40 /QĐ - UBND ngày 20 /01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị:
Đồng

Số TT	Họ và tên TNXP	Họ và tên thân nhân TNXP	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Quan hệ với TNXP	Mức trợ cấp
1	A Mút	A Mưa	1988	Bung Tôn, xã Đăk Blô Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
2	A Ngay	Y khiêm	1990	Bung Tôn, xã Đăk Blô Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
3	A Tý	Y Mưng	1941	Bung Kon, xã Đăk Blô Đăk Glei- Kon Tum	Vợ	3.600.000
4	A Lép	Y Nghiễn	1987	Bung Kon, xã Đăk Blô Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
5	A Triêng	Y Mưóng	1994	Pêng Lang, xã Đăk Blô Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
6	A Von	A Thừa	1989	Pêng Lang, xã Đăk Blô Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
7	A Meng	Y Ngãi	1945	Đăk Bóok, Đăk Blô Đăk Glei- Kon Tum	Vợ	3.600.000
8	Y Tin	A Ngam	1949	Đăk Bóok, Đăk Blô Đăk Glei- Kon Tum	Chồng	3.600.000
9	A Rõ	A Tãi	1963	Đăk Nhong, Đăk Nhoong Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
10	A Đở	Y Hương	1979	Đăk Nớ, Đăk Nhoong Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
11	A Thoắt	Y Jiả	1950	Đăk Gô, Đăk Kroong Đăk Glei- Kon Tum	Vợ	3.600.000
12	A Minh	Y Cưu	1952	14a, xã Đăk Pék Đăk Glei- Kon Tum	Vợ	3.600.000
13	A Láp	A Nhí	1972	Peng Prông, Đăk Pék Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
14	Y Đên	A Hoàng	1978	Peng Prông, Đăk Pék Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
15	Y Nhoal	Y Nhường	1981	Peng Prông, Đăk Pék Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000

16	A Dol	Y Náp	1954	Peng Prông, Đăk Pék Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
17	Y Di	Y Dưót	1992	Bông Bang, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
18	A Ết	A Triếp	1968	Bông Bang, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
19	A Nhã	A Cương	1975	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
20	Y Hời	A Công	1978	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
21	Y Eng	A Ghiu	1988	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
22	Y Môn	Y Hội	1993	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
23	Y Tiêm	Y Xanh	1980	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
24	A Dêm	A Dế	1967	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
25	Y Diên	A Rước	1976	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
26	A Ría	Y Dơ	1971	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
27	A Luôm	Y Hương	1972	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
28	A Chiết	Y Hội	1993	Xốp Nghét, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
29	Y Mái	A Đim	1985	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
30	Y Sót	Y Đáp	1984	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
31	Y Tim	Y Bể	1983	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
32	Y Chiêm	A Cay	1987	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
33	Y Miêu	Y Tinh	1991	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
34	Y Moát	A Viên	1982	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
35	A Mót	Y Đùi	1970	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
36	Y Cưới	A Điền	1934	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
37	A Riên	A Thía	1969	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000

38	Y Nỏa	Y Hệt	1980	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
39	Y Siêng	Y Nếp	1975	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
40	A Nhul	A Viên	1982	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
41	Y Mui	Y Theo	1979	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
42	Y Đáo	A Nhọt	1975	Kon Liêm, xã Xốp Đăk Glei- Kon Tum	Con	3.600.000
43	A Bốt	Y Đur	1987	Xốp Dùi, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
44	A Cao	A Goi	1995	Đăk Xây, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
45	Y Chi	A Sơn	1976	Đăk Xây, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
46	Y Mer	A Goi	1995	Đăk Xây, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
47	A Biên	A Láo	1960	Đăk Xây, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
48	A Ton	A Típ	1995	Đăk Xây, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
49	A Miết	Y Níu	1992	Đăk Xây, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
50	Y Nhuế	A Rẻ	1973	Tân Đum, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
51	Y Dết	Y Đỏi	1988	Tân Đum, xã Xốp Đăk Glei - Kon Tum	Con	3.600.000
52	A Linh	A Nhia	1979	Kon Xủ, Đăk Long Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
53	Y Ni	A Nhia	1979	Kon Xủ, Đăk Long Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
54	Y Dú	A Hội	1989	Kon Plinh- xã Hiếu Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
55	A Diên	Đinh Văn Thiết	1986	Điêk Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
56	A Pa	A Vai	1973	Măng Nách- Ngọc Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
57	A Yêu	Đinh Văn Hà	1980	Điêk Tà Âu- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	2.500.000
58	Y Đâu	Y Diêm	1973	Điêk Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
59	Y Loan	A Xenh	1953	Điêk Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000

60	Y Klút	A Hoàng	1945	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Chồng	2.500.000
61	A Đăi	A Vành	1960	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông- Kon Tum	Con	3.600.000
62	A Ri	A Đôn	1956	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
63	A Bôn	Y Móc	1958	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
64	Y Xiêng	A Đôn	1956	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
65	Y Mít	Y Sơn	1965	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
66	A Moi	Y Sơn	1965	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
67	Y Nê	A Đành	1980	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
68	Y Đâm	Y Móc	1958	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
69	A Veng	A Đôn	1958	Điek Pét- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
70	Y Pan	Y Hà	1961	Điek Pét- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
71	Y KLa	A Yết	1954	Điek Pét- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
72	A Via	A Sôi	1982	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
73	A Bra	A Chiến	1970	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
74	A Roát	Y Bỏ	1975	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
75	Y Bliêu	A Ven	1941	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Chồng	3.600.000
76	A Hoi	Y Neng	1965	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
77	Y Gô	Y Neng	1965	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
78	A Briết	Y Ba	1986	Điek Chè- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
79	Y Do	A Yêu	1959	MăngKrí – Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
80	A Viên	Y Tiên	1953	MăngKrí– Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000
81	A Mú	Y Điêm	1955	MăngKrí– Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000

82	Y Roi	Y Góp	1973	MăngKri- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
83	A KLui	Đinh Văn Sang	1957	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
84	Đinh Văn Minh	Đinh Xuân Biên	1978	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
85	Y Út	Y Tui	1963	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
86	Y Nốt	A Chiến	1970	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
87	Y Dúp	Y Chia	1956	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
88	Y Niều	Đinh Xuân Biên	1978	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
89	A Rên	Y Đang	1959	MăngKri- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000
90	Y Đào	A Vi	1957	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
91	Y Dê	A Rỗi	1964	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
92	Y Núp	Y K Liêng	1954	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
93	Y Dư	Y Gái	1963	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
94	Y Moi	A Veng	1964	Điek Lò II- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
95	Y Nhê	Y Tin	1980	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
96	Y Mãi	A Đặt	1990	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
97	A Đênh	Y Rum	1988	KípPlinh- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
98	A Yêu	Y Chiên	1966	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con ruột	3.600.000
99	Y Điêm	A Đốc	1988	Điek Tà Âu- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
100	Đinh Văn Dương	A Lộc	1982	Điek Pét- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
101	A Bay	Y Hà	1961	Điek Pét- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000
102	A Buôn	A K Roát	1975	Điek Pét- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000

103	Y Nua	A Lộc	1982	Điek Pét- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
104	A Đỉnh	Y GLu	1946	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000
105	A Cua	A Rôi	1945	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
106	A Tran	A Đun	1950	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Chồng	3.600.000
107	Y An	Y Lác	1967	Điek Tem- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
108	Y Ning	A H Riêng	1949	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
109	Y Riêm	A Vai	1964	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
110	Y Đó	A Lợi	1989	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
111	Y Ka	A Đò	1951	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
112	A Dấp	A Bông	1950	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
113	Đỉnh Văn Rêch	A Loan	1987	Măng Nách- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
114	Y Minh	Y Rum	1988	Kíp Plinh- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
115	Y Danh	Đỉnh Xuân Ba	1981	Điek Nót- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
116	Y Bắc	A Rìng	1960	Điek Lò I-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
117	A Koang	Y Heng	1945	Điek Lò I-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
118	A Bẫy	Y Hệ	1932	Điek Lò I-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000
119	A Đe	Y Đoang	1958	Điek Tà Côt- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	2.500.000
120	Y Kđau	Y Hậu	1988	MăngKrí- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
121	A Néo	Đỉnh Minh Diễm	1975	MăngKrí- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
122	A Sông	A Đào	1952	Điek Cua- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
123	Y Bỏ	Y Mao	1965	Điek Cua- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
124	A Bắg	Y Hối	1940	Điek Lò I-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000

125	A Đĩa	Y Đình	1938	Điék Lò I-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000
126	A Dốc	Y Xiêm	1959	Điék Nót- Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000
127	Y Dong	A Viên	1947	Điék Tà Âu-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Chồng	2.500.000
128	A Vông	Y Nhích	1986	Điék Chè-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
129	A Vay	Y Glu	1967	Điék Tem-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
130	A Ru	Y Đuân	1960	Điék Nót-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	2.500.000
131	A Dăm	Y Hứa	1943	Điék Nót-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Vợ	3.600.000
132	A Dân	Đinh Tấn Công	1980	Kíp Linh-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
133	A Chè	A Vi	1965	Điék Tem-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
134	Y Bun	A Đại	1956	Điék Pét-Ngọc Tem Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
135	A Đoàn	A Dũng	1972	Đăk La-Đăk Hring Kon Plông - Kon Tum	Con	3.600.000
136	A Sáp	A Thiang	1966	Đăk Long- Đăk Hring Đăk Hà - Kon Tum	Con	3.600.000
137	Y Nhít	A Bro	1936	Đăk Rế- Đăk Hring Đăk Hà - Kon Tum	Chồng	3.600.000
138	A Krun	Y Hyen	1944	Đăk Long - Đăk Hring Đăk Hà - Kon Tum	Vợ	3.600.000
139	Y Hbe	Y They	1963	Tu Ría Peng- Đăk Hring Đăk Hà - Kon Tum	Con	3.600.000
140	A Hlong	A Liêm	1984	Đăk Rế- Đăk Hring Đăk Hà - Kon Tum	Con	3.600.000
141	A Vông	Y Sang	1957	Đăk Long- Đăk Hring Đăk Hà - Kon Tum	Con	3.600.000
142	Y Brêng	Y Sang	1957	Đăk Long- Đăk Hring Đăk Hà - Kon Tum	Con	3.600.000
143	Lữ Văn Mặn	Hà Thị Duôn	1949	Thôn 11, xã Đăk Hring Đăk Hà - Kon Tum	Vợ	3.600.000
144	Y Lê	Y Pêh	1969	Thôn 4 - xã Đăk Tờ Re Kon Rẫy- Kon Tum	Con	3.600.000
TỔNG CỘNG						512.900.000

ka